

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 30 (Bảo Lạc)

Phần A.III, IV. Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Ngày thi: 11/4/ 2025

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Mông Tuấn Anh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	31	Ma Thị Nga	8,00	Tám
2	Hoàng Thị Ngọc Ánh	8,25	Tám phẩy hai năm	32	Vi Thị Ngân	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Mã Văn Chung	7,25	Bảy phẩy hai năm	33	Nông Thị Ngọc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Ma Văn Chương	6,00	Sáu	34	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	8,00	Tám
5	Lục Văn Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	35	Bé Thị Tố Nữ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Nông Văn Cường	6,50	Sáu phẩy năm	36	Ma Thị Quyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Vương Hải Đăng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	37	Hoàng Thị Quyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Sầm Thị Diêm	7,25	Bảy phẩy hai năm	38	Mã Thị Sái	7,50	Bảy phẩy năm
9	Bé Thúy Diệp	8,00	Tám	39	Hoàng Văn Sáng	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Phương Văn Đông	7,75	Bảy phẩy bảy năm	40	Ma Thị Thắm	6,00	Sáu
11	Nông Thị Thu Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Hà Văn Thắng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Hoàng Thị Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Đàm Văn Thành	6,75	Sáu phẩy bảy năm
13	Dương Văn Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	43	Trịnh Đức Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Đặng Văn Him	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Đặng Quỳnh Thư	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Lục Văn Hoà	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Hà Thị Thùy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Phạm Lê Hoài	8,00	Tám	46	Nông Đình Thuyên	7,00	Bảy
17	Ma Thị Hoài	8,00	Tám	47	Ma Thị Tô	7,75	Bảy phẩy bảy năm
18	Ma Thế Hội	6,00	Sáu	48	Ma Văn Tông		Thôi học
19	Vi Thị Hồng	8,25	Tám phẩy hai năm	49	Hoàng Bình Trinh		Thôi học
20	Nông Thị Hồng	8,00	Tám	50	Ngô Quang Trường	7,50	Bảy phẩy năm
21	Hoàng Văn Hùng	7,00	Bảy	51	Hoàng Văn Tuấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Lữ Thị Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	52	Lưu Văn Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Nội Thị Huyền	8,00	Tám	53	Lý Văn Ương	8,00	Tám
24	Triệu Gia Khánh	7,25	Bảy phẩy hai năm	54	Nông Quỳnh Vân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Hoàng Thị Lành	8,00	Tám	55	Hứa Thị Vân	7,75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
26	Chu Thị Liên	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Lưu Thị Vui	8,00	Tám
27	Nông Thị Liễu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Lục Thị Xinh	8,25	Tám phẩy hai năm
28	Quan Thị Linh	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Vi Thị Xoan	7,50	Bảy phẩy năm
29	Nông Thị Lụa	8,00	Tám	59	Nông Thị Hoàng Xuân	7,50	Bảy phẩy năm
30	Tân Tài Nái	7,00	Bảy				

Điểm 6,00: 03 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 03 điểm; Điểm 7,25: 09 điểm; Điểm 7,50: 07 điểm; Điểm 7,75: 16 điểm; Điểm 8,00: 11 điểm; Điểm 8,25: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thủy




Trịnh Thị Ánh Hoa